**Số: 5926188**

| | Kia Soluto MT | Mazda2 1.5L AT (Thêm tùy chọn) |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **345.000.000đ** | **429.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4300 x 1700 x 1460 | 4355 x 1695 x 1470 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2570 | 2570 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5200 | 5000 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 150 | 140 |
| Khối lượng không tải (kg) | 1030 | 1109 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 1480 | 1528 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 475 | 440 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 43 | 44 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | Nhập Khẩu |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | Xăng, Kappa 1.4L | Skyactiv-G 1.5L |
| Dung tích xi lanh (cc) | 1368 | 1496 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 94 / 6000 | 110 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 132 / 4000 | 144 / 4000 |
| Hộp số | 5MT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | Mc Pherson | Độc lập McPherson |
| Hệ thống treo sau | Thanh xoắn | Thanh xoắn |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Tang trống | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 174/70 R14 | 185/65 R15 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 7 | 7.91 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.76 | 5.07 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 5.59 | 6.11 |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | Halogen | LED |
| Đèn sương mù | Halogen | - |
| Cụm đèn sau | Halogen | Halogen |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | Chỉ chỉnh điện | Chỉnh điện |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Chất liệu ghế | Simili | Da Simili |
| Ghế người lái chỉnh cơ | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ● | ● |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 2.8'' LCD | Analog + Digital |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 1 | 1 |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 4 loa | 4 loa |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 2 | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |